

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ABC VIỆT NAM

Địa chỉ : Ấp Đa Càn, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
Của XƯỞNG SẢN XUẤT ABC VIỆT NAM**

CHÂU THÀNH, NĂM 2023

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ABC VIỆT NAM

Địa chỉ : Ấp Đa Càn, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
Của XƯỞNG SẢN XUẤT ABC VIỆT NAM**

**CHỦ CƠ SỞ**



**CHÂU THÀNH, NĂM 2023**

## MỤC LỤC

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên chủ cơ sở : .....	6
2. Tên cơ sở .....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	1
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	1
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của cơ sở .....	7
4.1. Nguyên liệu .....	7
4.2. Nhiên liệu, vật liệu .....	7
4.2.1. Nhu cầu về nhiên liệu, vật liệu.....	7
4.2.2. Nhu cầu về hóa chất sử dụng .....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư .....	9
5.1 Các hạng mục công trình của cơ sở .....	9
5.2 Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của dự án đầu tư: .....	10
Chương II.SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.....	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
2.1 Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước.....	12
2.2 Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí.....	12
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom xử lý nước thải .....	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	14
1.3. Xử lý nước thải.....	14
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	17
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	18
3.1 Chất thải rắn sinh hoạt.....	18
3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường .....	18
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	19

5. Công trình, biện pháp giảm tiếng ồn, độ rung.....	19
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	20
6.1 Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ .....	20
6.2 Tai nạn lao động.....	20
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	21
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	22
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: Không có .....	22
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có .....	22
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, tiếng ồn, độ rung:.....	22
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	23
1. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo như sau:.....	23
1.1 Môi trường không khí trong cơ sở .....	23
1.2 Môi trường nước sau hệ thống xử lý.....	24
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	25
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	25
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	25
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	25
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	25
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở.....	25
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	26
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	27
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	28

## **DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
QH	: Quốc hội
NĐ-CP	: Nghị định – Chính phủ
WHO	: Tổ chức y tế thế giới
GPMT	: Giấy phép môi trường
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
BYT	: Bộ Y tế
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
CTTT	: Chất thải thông thường
CTNH	: Chất thải nguy hại
HTXL	: Hệ thống xử lý

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Tổng công suất của cơ sở.....	1
Bảng 1.2: Danh mục sản phẩm của cơ sở.....	6
Bảng 1.3: Nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở .....	7
Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng vật liệu tại cơ sở.....	8
Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở .....	9
Bảng 1.6: Diện tích các hạng mục công trình .....	9
Bảng 1.7: Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.....	10
Bảng 2.1: Chất lượng không khí môi trường tác động huyện Châu Thành .....	13
Bảng 3.1: Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	19
Bảng 4.1: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	22
Bảng 4.2: Giá trị giới hạn đối với độ rung .....	22
Bảng 5.2: Kết quả thử nghiệm mẫu không khí trong cơ sở.....	23
Bảng 5.3: Kết quả thử nghiệm mẫu nước sau hệ thống xử lý .....	24

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của cơ sở (Ảnh vệ tinh) .....	7
Hình 1.2. Sơ đồ bố trí các hạng mục của dự .....	8
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình sản xuất rau, củ, quả sạch chất lượng cao .....	2
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình sơ chế dưa .....	4
Hình 1.5. Quy trình sản xuất tủ, bàn ghế (ván ép).....	5
Hình 1.6: Quy trình nuôi cá cảnh .....	6
Hình 3.1: Sơ đồ thiết kế bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt.....	15
Hình 3.2: Quy trình xử lý nước thải .....	16
Hình 3.3: Máy hút bụi tại khu CNC:.....	17

## **Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1. Tên chủ cơ sở :**

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam.

- Địa chỉ: Ấp Đa Càn, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở : Ông Hồ Minh Hoàng.

- Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0918 190 002.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100663269 đăng ký lần đầu ngày 09/12/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21/7/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh.

### **2. Tên cơ sở**

- Tên cơ sở: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam.

- Địa điểm cơ sở: Ấp Đa Càn, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Tổng diện tích của cơ sở có diện tích 2.130m<sup>2</sup> tại ấp Đa Càn, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Vị trí khu đất thuộc các thửa đất sau:

Tứ cận khu đất như sau:

+ Phía Đông giáp với đất vườn;

+ Phía Tây giáp với Lộ nhựa;

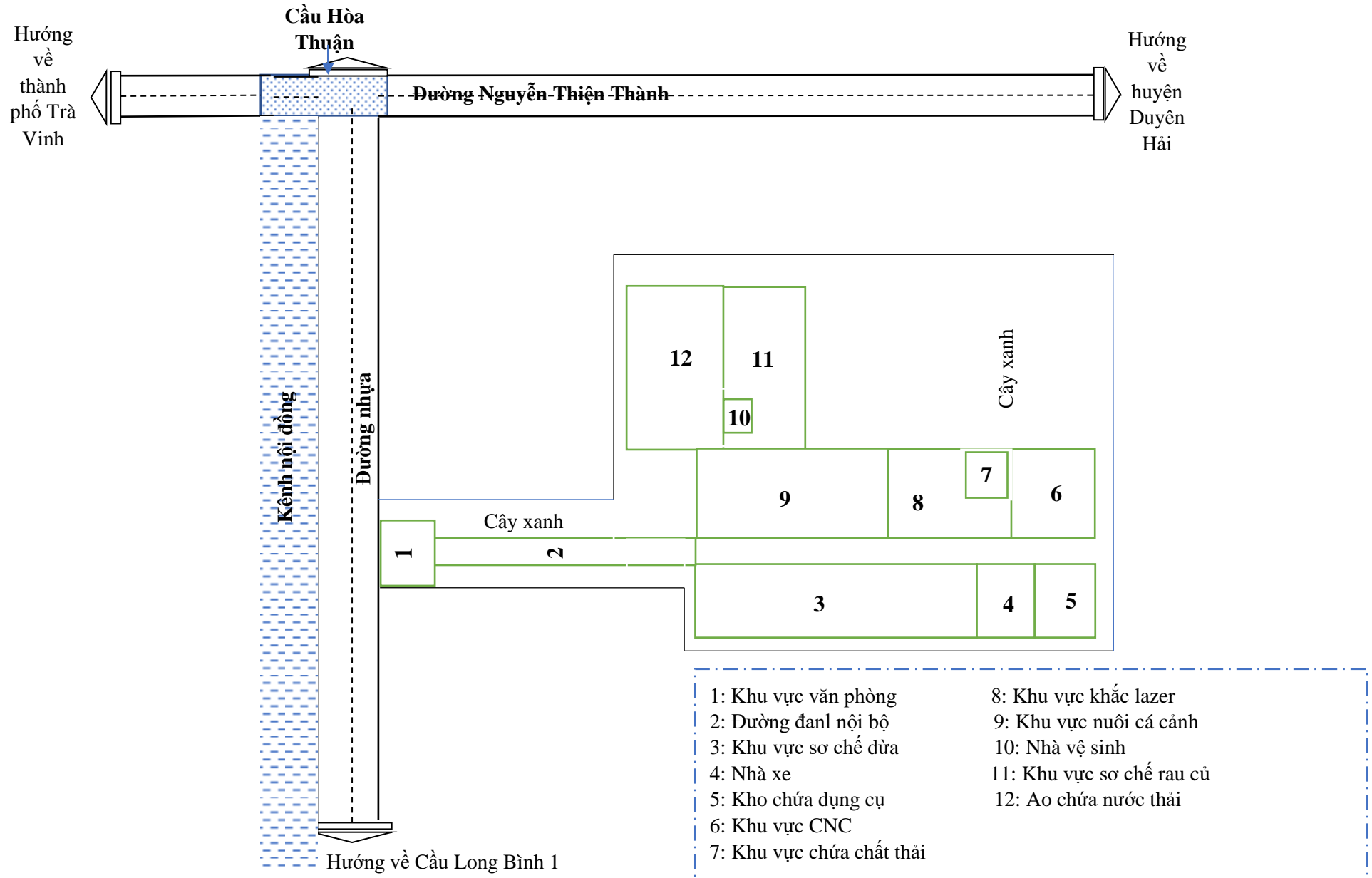
+ Phía Nam giáp với nhà dân và đất vườn;

+ Phía Bắc giáp với nhà dân và đất vườn.





Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của cơ sở (Ảnh vệ tinh)



Hình 1.2. Sơ đồ bố trí các hạng mục của dự

- Quy mô của cơ sở:

+ Tổng vốn đầu tư của cơ sở là **1.234.567.910 đồng** (Một tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm mười đồng) theo quy định tại Luật Đầu tư công<sup>1</sup>, dự án thuộc thuộc Điểm a, Khoản 4, Điều 8 và Khoản 3, Điều 10. Qua đó, dự án được xác định là dự án **NHÓM C**.

+ Theo Luật Bảo vệ môi trường<sup>2</sup>, quy mô dự án xác định như sau:

✓ Dự án **KHÔNG THUỘC** Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP<sup>3</sup>. Căn cứ mục số thứ tự 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ cơ sở thuộc nhóm III.

✓ Theo Khoản 2, Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường thì dự án thuộc đối tượng phải lập BCĐX cấp GPMT trình Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành xem xét, thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp phép.

- Loại hình của dự án: chuyên sản xuất - sơ chế, tiêu thụ rau, củ, quả sạch chất lượng cao, khắc lazer; cung cấp giống cây trồng; nuôi cá cảnh, sản xuất hàng mẫu, decal (ván ép),.....

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

#### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Quy mô công suất của cơ sở được nêu cụ thể trong bảng sau: .

Bảng 1.1: Tổng công suất của cơ sở

Stt	Tên sản phẩm	ĐVT	Công suất	Ghi chú
1	Thu mua và sơ chế nông sản (rau củ, trái cây,)	Tấn/năm	11	Biến động theo mùa vụ, nhu cầu khách hàng
2	Dừa trái,...	Tấn/năm	14	
3	Khắc lazer	Sản phẩm/năm	1.000	Biến động theo nhu cầu khách hàng
4	Sản xuất hàng mẫu, decal (ván ép, mica)	Sản phẩm/năm	100	Chủ yếu cung cấp hàng mẫu
5	Cung cấp cây giống	Cây/năm	100.000	
6	Trồng rau sạch, cây ăn trái và cây lâu năm	m <sup>2</sup>	464,2	
7	Nuôi cá cảnh	Con/năm	1.000	

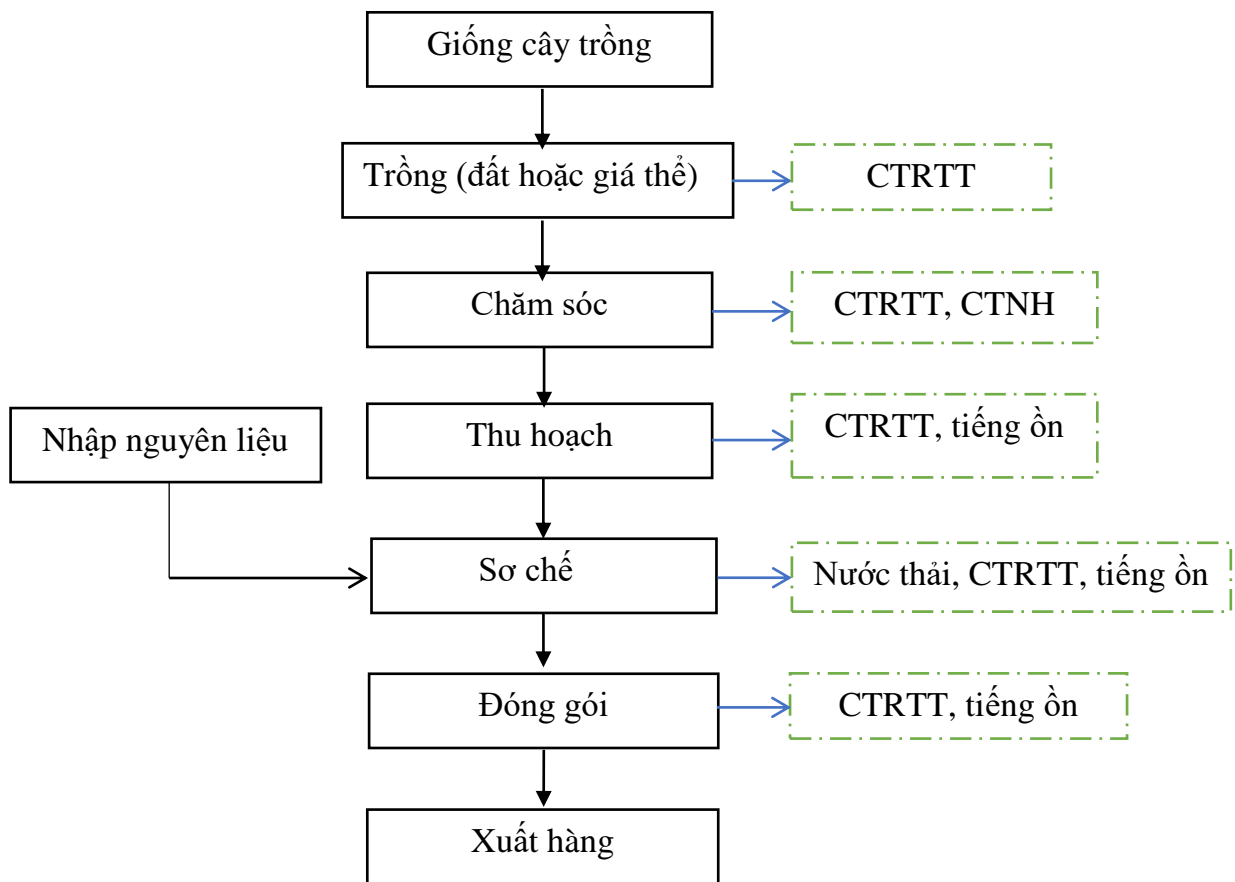
<sup>1</sup> Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2019.

<sup>2</sup> Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

<sup>3</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- ✚ Quy trình 1: Quy trình sản xuất rau, củ, quả sạch chất lượng cao được trình bày cụ thể trong sơ đồ sau:



Hình 1.3. Sơ đồ quy trình sản xuất rau, củ, quả sạch chất lượng cao

#### Thuyết minh quy trình

- (1) **Giống cây trồng:** giống cây được chọn phải uy tín, có nguồn gốc rõ ràng.
- (2) **Gieo, trồng:** Chọn đất tại những khu vực cao, thoát nước tốt, phải cách ly với những khu vực có chứa chất thải.

Chọn giá thể: Giá thể trồng cây chính là các loại nguyên liệu hay hỗn hợp tạo nên một môi trường sống giàu dinh dưỡng cho cây trồng, thay thế cho vai trò của đất trồng. Giá thể là mụn dừa, mụn cưa, vỏ cây,... được chọn phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

- (3) **Chăm sóc:** Trong quá trình chăm sóc phải ghi nhật kí gieo trồng, chủng loại, số lượng, thời gian thu hoạch, loại phân bón sử dụng,....

Nước tưới phục vụ cho sản xuất và xử lý sau thu hoạch rau, quả phải đạt chuẩn quy định.

Hóa chất và chất phụ gia (bao gồm của thuốc bảo vệ thực vật): Trường hợp có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thì chỉ được phép mua tại các cửa hàng được phép kinh doanh, chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng.

**(4) Thu hoạch:** Rau, quả (tùy theo từng loại) sau thời gian chăm sóc sẽ được thu hoạch và đưa vào phòng sơ chế.

Ngoài ra, Tùy theo nhu cầu thị trường cơ sở sẽ thu mua thêm một số nông sản từ các hộ dân trong và ngoài địa bàn.

**(5) Sơ chế:** Các bước của quy trình sơ chế rau, củ, quả:

Bước 1: Cắt, gọt: Mục đích nhằm loại bỏ các phần già, trầy xước, héo úa.

Bước 2: Rửa qua dòng nước chảy sạch (Tác dụng của công đoạn rửa):

Đảm bảo thực phẩm rửa sạch hoàn toàn các bụi, đất, cát, chất bám.

Giảm bớt các yếu tố vi khuẩn, các loại thuốc phun (nếu có) bám trên rau củ quả.

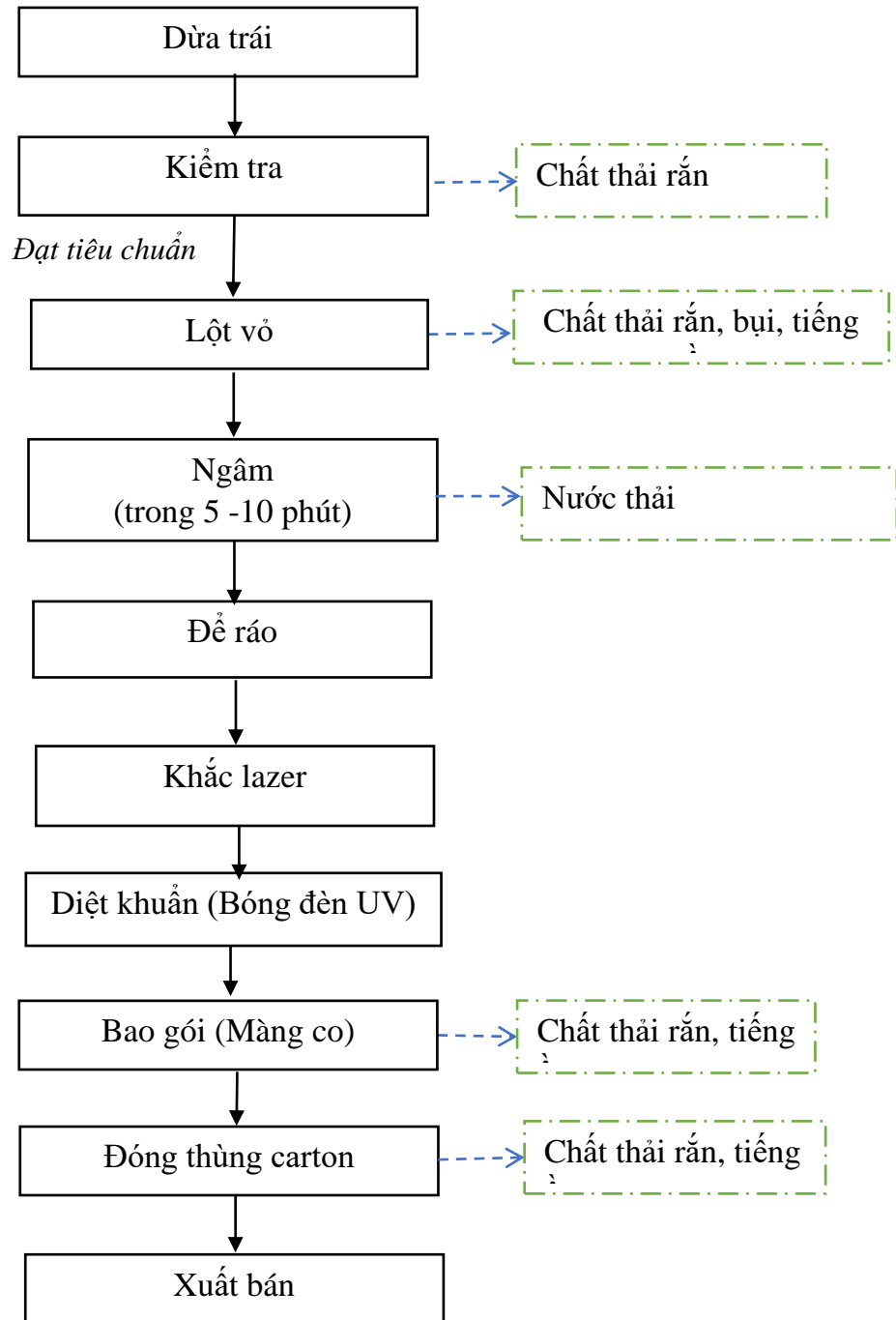
Bước 3: Rửa lần 2 có sục Ozone: Bước này rất quan trọng giúp đảm bảo thực phẩm sạch an toàn 100% và loại trừ hoàn toàn các nguy cơ rủi ro về thực phẩm.

Ozone là một trong các chất oxy hóa cực mạnh, khi các chất hữu cơ như (vi khuẩn, tảo, nấm mốc,...) hay chất bảo vệ thực vật tiếp xúc với Ozone đều sẽ bị oxy hóa, vô hiệu hóa hoặc phân hủy. Ngoài tác dụng khử độc, diệt khuẩn cao thì Ozone cũng nhanh chóng phục hồi thành Oxy nên không bị tồn đọng lại trên thực phẩm rau củ quả.

Bước 4: Rau, quả sau khi rửa xong sẽ đưa qua bàn để ráo. Để ráo trung bình từ 10 đến 20 phút, sao đó sẽ chuyển qua khâu đóng gói.

**(6) Đóng gói, dán tem:** Rau, củ, quả sau khi sơ chế, để ráo sẽ được kiểm tra và chuyển qua khâu đóng gói và xuất bán.

Quy trình 2: Quy trình sơ chế dừa thành phẩm được trình bày trong sơ đồ sau:



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình sơ chế dừa

❖ **Thuyết minh:**

(1) **Nguyên liệu:** Dừa được thu hoạch sau đó được phân loại, kiểm tra chất lượng, những trái dừa đạt tiêu chuẩn sẽ chuyển qua công đoạn nhặt xơ hoặc lột vỏ.

(2) **Lột vỏ dừa:** Lột dừa là thao tác tách gáo dừa ra khỏi lớp vỏ xơ bằng dụng cụ chuyên dùng từ sắt hoặc bằng máy lột vỏ dừa.

(3) **Ngâm:** Sau khi dừa được làm sạch, trái dừa được chuyển vào hồ ngâm cho trắng (có thể sử dụng Sodium Metabisulfite hoặc Acid citric) là một trong những chất

bảo quản được cho phép sử dụng trong chế biến thực phẩm. Sau khi ngâm khoảng 05 đến 10 phút, dũa được vớt lên bàn để ráo.

(4) **Làm khô:** Làm khô bằng cách dùng quạt công nghiệp để quạt, quạt trong vòng 20 - 30 phút hoặc sấy (gia nhiệt): quả được đưa vào máy sấy, nhiệt độ lò sấy khoảng 300°C.

(5) **Khắc lazer:** dũa được khắc chữ hoặc hình tùy theo từng theo yêu cầu của khách hàng.

(6) **Diệt khuẩn:** Sử dụng tia UV là phương pháp xử lý bề mặt trái cây, rau củ quả tươi hiệu quả.

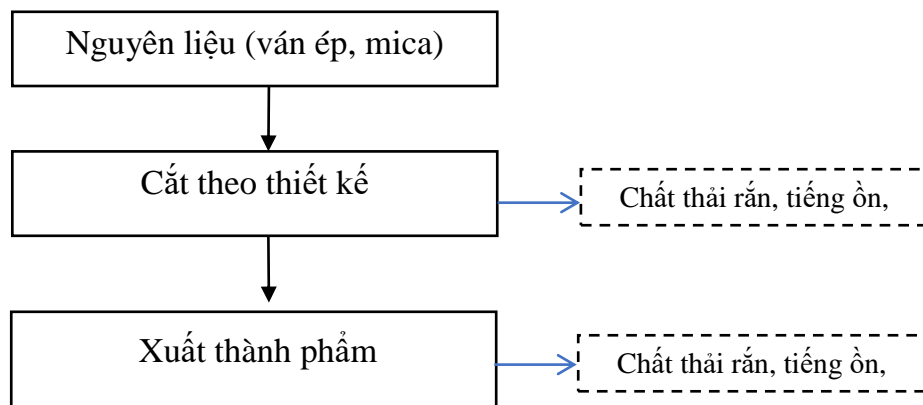
(7) **Bao gói:** Đóng bao màng co, có thể dùng máy sấy để làm co màng.

(8) **Đóng thùng:** Dũa được đóng gói vào các thùng carton 5-7 lớp đảm bảo độ bền khi vận chuyển xa. Có thể chọn thùng carton vừa khít với sản phẩm giúp tối ưu không gian và tạo độ vững khi xếp chồng. Thùng đóng gói cần bố trí lỗ thông hơi.

(9) **Xuất bán:** Sản phẩm sau khi hoàn thiện sẽ xuất bán theo từng đơn hàng.

Ngoài ra, công ty còn nhận gia công khắc lazer các loại củ, quả cho khách hàng theo yêu cầu.

🔧 Quy trình 3: Quy trình sản xuất hàng mẫu, decal trình bày trong sơ đồ sau:



Hình 1.5. Quy trình sản xuất tủ, bàn ghế (ván ép)

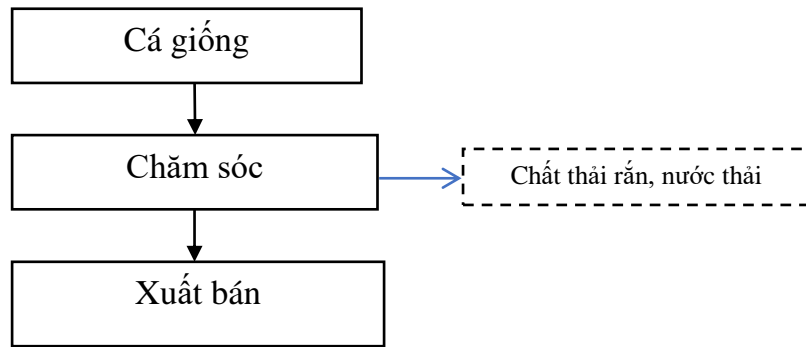
(1) **Nhập nguyên liệu:** Đây là khâu quan trọng bởi chất liệu ván ép, Mica tốt mới có thể tạo nên sản phẩm chất lượng.

(2) **Cắt theo thiết kế:** Ván ép, Mica được chuẩn bị để sản hàng mẫu, decal thường là những tấm lớn và cần được cắt ra thành các tấm ván có kích thước khác nhau dựa theo yêu cầu thiết kế.

(4) **Lắp ghép:** Những bộ phận được tạo ghép với nhau tạo nên hàng mẫu, decal hoàn chỉnh theo yêu cầu đặt hàng.

(5) **Xuất thành phẩm:** Sau khi hoàn thiện tất cả các bước, quản lý sẽ kiểm tra và trình hàng mẫu cho khách hàng. Nếu khách hàng đồng ý đặt hàng, đơn vị sẽ gửi mẫu qua đơn vị gia công để sản xuất hàng loạt.

🚦 Quy trình 4: Quy trình nuôi cá cảnh được trình bày trong sơ đồ sau:



Hình 1.6: Quy trình nuôi cá cảnh

**(1) Chọn cá giống:** Cá giống được nhập về từ các cơ sở cá giống trong và ngoài tỉnh.

**(2) Chăm sóc:**

- **Môi trường nước:** là yếu tố rất quan trọng khi nuôi cá, khi chăm sóc cá cần chú ý đến chất lượng nước trong bể nuôi, vì nó ảnh hưởng đến sức khỏe, sự phát triển, khả năng miễn dịch của cá, sự hô hấp và trao đổi chất của cá đến môi trường xung quanh. Vì vậy, trước khi sử dụng nguồn nước nào phục vụ nuôi dưỡng cá cũng cần xử lý. Định kỳ, trung bình từ 7 đến 10 ngày sẽ tiến hành thay nước.

- **Chế độ thức ăn:** Nên cho cá ăn vừa đủ không nên để thức ăn dư thừa tránh làm thừa nhiều thức ăn gây ảnh hưởng đến chất lượng nước bể cá.

- **Oxi:** Cần bật oxi cho hồ cá thường xuyên 24/24h.

**(3) Xuất bán:** Tùy theo đặt tính của từng loại cá, mà thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng khác nhau, mà chủ cơ sở quyết định thời gian xuất bán.

🚦 Ngoài ra, Cơ sở còn cung cấp thêm một số loại giống cây trồng.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm chính của cơ sở chủ yếu là các nông sản sạch đạt chất lượng cao:

Bảng 1.2: Danh mục sản phẩm của cơ sở

Stt	Tên sản phẩm	Ghi chú
1	Rau sạch (Rau, củ, quả)	Theo tiêu chuẩn Vietgap
2	Dừa tươi, dừa sấp	
3	Hàng mẫu các loại tủ, bàn, ghế,...	Chủ yếu cung cấp hàng mẫu
4	Biển quảng cáo, nhãn bao Bì, nhãn trang trí,...	



Stt	Tên sản phẩm	Ghi chú
5	Cung cấp các loại giống cây trồng	Biến động theo mùa vụ
6	Cá cảnh	Biến động theo thị trường

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam, năm 2023)

Trong quá trình hoạt động sản xuất tại cơ sở, các sản phẩm nông sản có sự thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường, mùa vụ và sự thay đổi của thời tiết.

#### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của cơ sở

##### 4.1. Nguyên liệu

Nguyên liệu phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	ĐVT	Công suất	Xuất xứ
1	Rau củ, trái cây,	Tấn/năm	12	Việt Nam
2	Dừa trái,...	Tấn/năm	15	Việt Nam
3	Phân bón hữu cơ	Tấn/năm	3	Việt Nam
4	Ván ép	m <sup>2</sup>	100	Việt Nam Thái Lan, Malaysia, Indonesia
5	Mica	m <sup>2</sup>	100	Đài Loan, Trung Quốc
6	Giống cây trồng	Cây/năm	100.000	Việt Nam
7	Hạt giống	Kg/năm	500	Việt Nam
8	Cá cảnh	Con/năm	500	Nhật, Thái Lan, Trung Quốc

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam, năm 2023)

##### 4.2. Nhiên liệu, vật liệu

###### 4.2.1. Nhu cầu về nhiên liệu, vật liệu

###### a. Nhu cầu sử dụng vật liệu

Nhu cầu sử dụng vật liệu phục vụ sản xuất tại cơ sở như sau:

Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng vật liệu tại cơ sở

Stt	Tên vật liệu	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khu vực sản xuất rau sạch</b>			
1	Đất hữu cơ	m <sup>3</sup> /năm	3	
2	Mụn dừa	m <sup>3</sup> /năm	1	
3	Màng phủ luống	Cuộn/năm	10	
4	Màng co	Tấn/năm	0,3	
5	Thùng carton	Tấn/năm	1	
6	Pallet	Cái/năm	20	
<b>II</b>	<b>Khu CNC (Khu sản xuất hàng mẫu, mica)</b>			
1	Màng PE	Tấn/năm	0,1	
2	Giấy carton	Tấn/năm	0,5	
<b>III</b>	<b>Khu vực nuôi cá cảnh</b>			
1	Vật liệu lọc (than hoạt tính)	Tấn/năm	1	
2	Cát, sỏi	Tấn/năm	0,3	

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam, năm 2023)

**b. Nhu cầu sử dụng điện:** Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của cơ sở khoảng 1.000 KWh/tháng được cung cấp từ mạng lưới điện lực Châu Thành.

**c. Nhu cầu sử dụng nước**

Tổng lưu lượng nước phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở ước tính khoảng: 6,3 m<sup>3</sup>/ngày. Cụ thể như sau:

- Nhu cầu về nước sinh hoạt: Số lượng công nhân làm việc tại cơ sở khoảng 15 người (Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD thì định mức cấp nước sinh hoạt tối thiểu là 100 lít/người/ngày.đêm). Lượng nước cấp cho sinh hoạt trung bình khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nguồn nước này được cấp từ Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh Môi trường nông thôn xã Hòa Thuận.

- Nhu cầu về nước phục vụ sản xuất:

+ Dây chuyền sơ chế rau, củ, quả: 2 m<sup>3</sup>/ngày;

+ Dây chuyền sơ chế dừa: 1,5 m<sup>3</sup>/ngày;

+ Nước phục vụ tưới cây: 2 m<sup>3</sup>/ngày (Lượng nước tưới này sẽ phụ thuộc theo mùa, đặc biệt vào những tháng mùa mưa, cơ sở sẽ tận dụng nguồn nước mưa để tưới cây).

+ Khu vực nuôi cá cảnh: 0,3 m<sup>3</sup>/ngày (Trung bình khoảng 07 đến 10 ngày sẽ thay nước cá/lần).

#### 4.2.2. Nhu cầu về hóa chất sử dụng

Thống kê nhu cầu sử dụng trong quá trình hoạt động của cơ sở

Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở

Stt	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hóa chất cho công trình BVMT của cơ sở</b>			
1	Chlorine	Kg/tháng	5	
<b>II</b>	<b>Hóa chất sử dụng trong quá trình trồng trọt các loại cây lâu năm</b>			
1	Thuốc sâu	Tấn/năm	0,02	
2	Thuốc bảo vệ thực vật	Tấn/năm	0,05	

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam, năm 2023)

### 5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

Cơ sở hoạt động từ năm 2020 đến nay. Từ khi hoạt động đến nay cơ sở chưa có ghi nhận các khiếu nại về vấn đề ô nhiễm môi trường.

#### 5.1 Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích đã xây dựng của cơ sở 2.130 m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích khu vực văn phòng, khu xưởng sản xuất đã được xây dựng kiên cố bằng bê tông cốt thép kiên cố, bao gồm các hạng mục công trình sau:

Bảng 1.6: Diện tích các hạng mục công trình

Stt	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính</b>		-
1	Khu vực văn phòng	200	
2	Khu sơ chế rau, củ, quả	250	
3	Khu vực sơ chế dưa	120	
4	Khu CNC (đóng tủ, bàn, ghế)	75	
5	Khu vực nuôi cá cảnh	150	
<b>II</b>	<b>Hạng mục công trình phụ trợ</b>		-

Stt	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)
1	Bãi nhập hàng	150	
2	Nhà bao che và nhà xe	240	
3	Lối đi nội bộ	-	
<b>III</b>	<b>Khu vực trồng trọt</b>		
1	Khu vực trồng trọt	464,2	
<b>III</b>	<b>Hạng mục công trình BVMT</b>		
1	Khu nhà vệ sinh	12	
2	Ao xử lý nước thải	450	
3	Kho chứa CTRTT	12	
4	Kho chứa CTNH	6,8	
<b>Tổng cộng:</b>			

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam, năm 2023)

## 5.2 Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của dự án đầu tư:

Bảng 1.7: Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ
<b>I</b>	<b>Khu sơ chế nông sản (rau củ, trái cây, dưa trái,...)</b>			
1	Bàn sơ chế	cái	5	Việt Nam
2	Bồn rửa 500 lít	cái	3	Việt Nam
3	Bàn vĩa để ráo	cái	4	Việt Nam
4	Bàn đóng gói thành phẩm	cái	1	Việt Nam
5	Máy sục Ozon	cái	1	Việt Nam
<b>II</b>	<b>Khu sơ chế dưa</b>			
1	Máy khắc Lazer	Cái	1	Việt Nam
2	Bóng đèn UV	Cái	2	Việt Nam

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ
3	Máy cắt, lột vỏ	Cái	1	
4	Máy đánh bóng	Cái	1	
5	Máy băm vỏ dừa	Cái	1	Việt Nam
<b>III</b>	<b>Khu CNC</b>			
1	Máy cắt CNC	Cái	1	Việt Nam
2	Quạt hút bụi	Cái	1	
<b>IV</b>	<b>Khu vực cây giống và trồng rau sạch</b>			
1	Máy xới	Cái	1	Việt Nam
2	Motor bơm nước 2hp	Cái	2	Việt Nam
3	Xe rùa	Cái	2	Việt Nam
<b>V</b>	<b>Khu vực nuôi cá cảnh</b>			
1	Máy bơm nước	Cái	1	Việt nam
2	Hệ thống Oxi	Hệ thống	1	

## **Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh**

Với 65km bờ biển, nằm cặp 02 sông lớn (sông Cỏ Chiên và sông Hậu), có hệ thống sông rạch chằng chịt, địa hình thấp và bằng phẳng, đất đai màu mỡ và khí hậu mát mẻ, ít bị ảnh hưởng bởi lũ, bão là điều kiện thuận lợi để Trà Vinh phát triển đa dạng sản xuất nông nghiệp ngọt, lợ và mặn, đặc biệt là phát triển lúa gạo, các loại màu và cây công nghiệp ngắn ngày, các loại cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ và sinh thái.

Trồng trọt là ngành sản xuất chính của tỉnh chiếm tỷ trọng lớn cả về quy mô sản xuất, giá trị sản phẩm, giá trị xuất khẩu và tập quán sản xuất của người dân. Tỉnh đã đưa ra chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021. Vì vậy, sự hình thành và phát triển của công ty là phù hợp với quy hoạch chung cũng như chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh tại Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

#### **2.1 Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước.**

Cơ sở sử dụng nước cấp từ nhà máy nước xã Hòa Thuận, không sử dụng nước giếng khoan nên không gây tác động đến nước dưới đất.

Quá trình hoạt động của cơ sở có phát sinh nước thải, tuy nhiên lượng nước thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn quy định và lưu chứa trong ao trong khu vực khuôn viên cơ sở, không thải ra môi trường bên ngoài. Do đó, không gây các tác động tiêu cực đến môi trường nước mặt xung quanh.

#### **2.2 Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí**

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh thực hiện báo cáo quan trắc môi trường tỉnh. Theo đó, trên cơ sở vị trí dự án, chủ cơ sở đã lựa chọn các vị trí quan trắc vào năm 2022 trên địa bàn huyện Châu Thành làm dữ liệu tham khảo để đánh giá môi trường nền khu vực cơ sở đang hoạt động, cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Chất lượng không khí môi trường tác động huyện Châu Thành

Đợt quan trắc	Thông số					
	Tiếng ồn	Bụi lơ lửng	SO <sub>2</sub>	NO <sub>2</sub>	CO	O <sub>3</sub>
	dBA	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>
Đợt 1	65,0	189	KPH	11	3.697	KPH
Đợt 2	<b>75,5</b>	144	KPH	16	4.619	20
Đợt 3	69,3	159	KPH	20	3.947	43
Đợt 4	<b>74,8</b>	205	KPH	17	4.160	8
<b>QCVN 05:2013/BTNMT</b>	<b>70*</b>	<b>300</b>	<b>350</b>	<b>200</b>	<b>30.000</b>	<b>200</b>

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2022)

Kết quả quan trắc năm 2022 cho thấy, không khí môi trường tác động trên địa bàn huyện Châu Thành có chất lượng khá tốt 07/08 thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng tiếng ồn vượt giới hạn từ 1,07 - 1,08 lần vào đợt 2, 4 và kết quả trung bình năm 2022 của tiếng ồn cũng vượt nhẹ 1,02 lần so với QCVN 26:2010/BTNMT.

❖ Nhận xét: Cho thấy khả năng chịu tải của môi trường không khí khu vực xung quanh cơ sở vẫn tốt, không bị ô nhiễm.

### **Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom xử lý nước thải**

##### **1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Vào những ngày có mưa, nước mưa sẽ chảy tràn trên bề mặt trong khuôn viên cơ sở, nước mưa có thể cuốn theo các chất bẩn, rác thải và các chất thải khác trên nền đất nơi chúng chảy qua làm cho các thông số ô nhiễm trong nước mưa tăng lên. Theo số liệu thống kê của Tổ chức Y tế thế giới thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thông thường khoảng 0,5-1,5 mgN/l, 0,004-0,03 mgP/l, 10-20 mgCOD/l, 10-20 mgTSS/l và nếu nước mưa chảy tràn không chảy qua khu vực bị ô nhiễm thì được quy ước là “sạch”.

- Nước mưa chảy tràn trên mái xưởng sản xuất được thu gom bằng máng xối. Từ máng xối được bố trí ống thoát nước mưa và dẫn xuống hệ thống ao trong khuôn viên cơ sở để phục vụ cho tưới các loại cây trồng trong khuôn viên cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ sẽ chảy theo độ dốc mặt đường xuống hệ thống các ao trong khuôn viên cơ sở.

- Nước mưa phát sinh trên diện tích cây xanh sẽ tự thấm.

##### **1.2. Thu gom, thoát nước thải**

Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và quá trình sản xuất.

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC Ø49 dẫn về hệ thống hầm tự hoại.

- Đối với nước thải sản xuất phát sinh được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC Ø90 dẫn về hệ thống xử lý thải để xử lý.

##### **1.3. Xử lý nước thải**

###### **Nước thải sinh hoạt của công nhân được xử lý bằng hầm tự hoại**

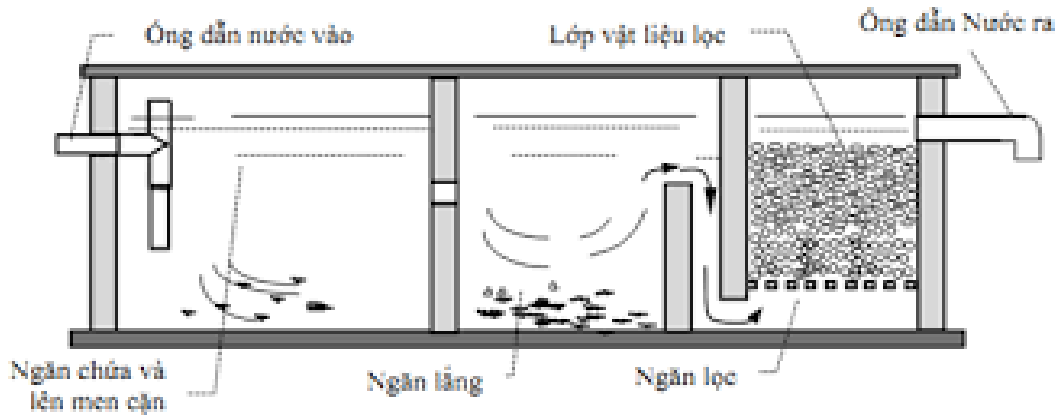
Số lượng công nhân làm việc tại cơ sở là 15 người, khi đó lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm sẽ được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại. Thể tích bể tự hoại có thể tích là 10 m<sup>3</sup>, bể được chia làm 03 ngăn bao gồm: 01 ngăn chứa, 01 ngăn lắng, 01 ngăn lọc. Bể có khả năng xử lý khoảng 3m<sup>3</sup>/ngày. Nước sau bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đạt QCVN40:2011/BTNMT (K=0,6).

###### **❖Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt**

Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

\* Cấu tạo hoạt động của bể tự hoại: Sơ đồ thiết kế bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt tại khu nhà vệ sinh được thể hiện trong sơ đồ sau:





Hình 3.1: Sơ đồ thiết kế bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

\* Nguyên lý hoạt động của hầm tự hoại: Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

- Ngăn chứa và phân huỷ kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm  $\frac{1}{2}$  tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối. Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phân cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể được giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân huỷ các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân huỷ trong bể.

- Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm  $\frac{1}{4}$  tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân huỷ của vi sinh vật.

- Ngăn lọc: Thể tích chiếm  $\frac{1}{4}$  tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

Nước sau hầm tự hoại được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải của công ty.

- Xử lý bùn thải phát sinh từ hầm tự hoại:

+ Thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bùn thải hầm tự hoại và xử lý đúng quy định.

+ Tần suất thực hiện: 06 tháng/ lần hoặc khi có nhu cầu.

#### **✚ Đối với nước thải sản xuất**

##### **Công suất hoạt động:**

Nguồn thải tiếp nhận đầu vào hệ thống xử lý bao gồm:

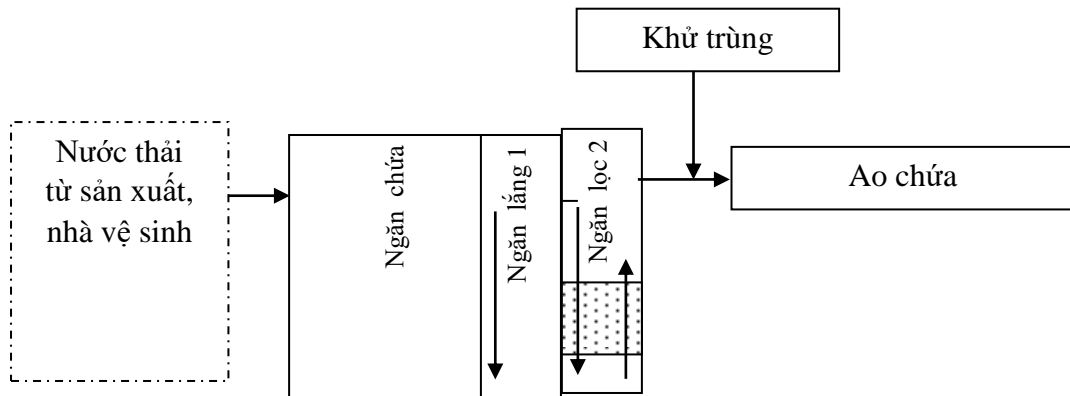
- Nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại: 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất của cơ sở khoảng:  $3,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

➤ Tổng lưu lượng tiếp nhận là  $5,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Nhằm đảm bảo hiệu quả vận hành và công suất xử lý nước thải, chủ dự án đã đầu tư hệ thống xử lý có công suất  $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

### **Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải:**

Công nghệ lựa chọn là xử lý sinh học bằng hầm tự hoại 05 cải tiến BASTAF. Quy trình công nghệ xử lý nước thải của dự án như sau:



*Hình 3.2: Quy trình xử lý nước thải*

### **Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:**

Nước thải từ quá trình sản xuất, khu nhà vệ sinh được thu gom và dẫn về bể tự hoại 03 ngăn (có bố trí song chắn rác).

Khi nước thải vào ngăn đầu của bể tự hoại 3 ngăn (*ngăn chứa*) sẽ tiếp xúc với hệ vi sinh trong bể và chế phẩm sinh học được đưa vào bể theo định kỳ. Kế đến, nước thải chảy qua ngăn 2 để lắng cặn. Sau đó, nước thải chảy qua các ngăn lọc (*vật liệu lọc là đá*) để lọc chất rắn lơ lửng trong nước thải và tiếp tục xử lý các chất ô nhiễm trong nước thải nhờ hệ vi sinh vật phát triển trên bề mặt vật liệu lọc. Các chất ô nhiễm sẽ được phân hủy nhờ hoạt động của hệ vi sinh vật kỵ khí, các thông số nhiễm chính được xử lý qua cơ chế hấp thụ của vi sinh vật kỵ khí chủ yếu là SS, COD, BOD. Nước thải sau hầm tự hoại 3 ngăn được khử trùng (khử trùng bằng chlorin có tác dụng tiêu diệt vi khuẩn). Nước thải sau bể tự hoại cải tiến BASTAF đạt QCVN 40:2011/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B. Nước sau xử lý được lưu chứa trong ao, không thải ra môi trường bên ngoài.

Hiệu suất xử lý bể tự hoại cải tiến BASTAF (03 ngăn) là hàm lượng COD đạt 75 – 90%; theo BOD5 đạt 71 – 85%; theo TSS đạt 75 – 95%; dầu mỡ động thực vật 85%; Tổng Nitơ, tổng Photpho đạt 75 – 90%; coliform đạt 100% (Nguồn: giáo trình xử lý nước thải của GS.TS Lâm Minh Triết).

Bùn thải phát sinh từ các bể của bể tự hoại cải tiến BASTAF, được lưu chứa ngay trong đáy bể. Định kỳ 06 tháng/lần sẽ thực hiện kiểm tra khối lượng bùn thải phát sinh và hợp đồng thuê đơn vị chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

Kích thước cụ thể từng bể như sau:

Bể chứa:  $2\text{m} \times 4\text{m} \times 1,5\text{m}$  (dài  $\times$  rộng  $\times$  cao).

Bể lắng:  $1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,5\text{m}$  (dài  $\times$  rộng  $\times$  cao).

Bể lọc: 1,5m × 1,5m × 1,5m (dài × rộng × cao).

Bồn chứa chlorin: thể tích 100 lít.

Ao chứa 15m × 30m × 2m (dài × rộng × sâu).

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

+ Khu vực CNC (khu vực sản xuất hàng mẫu): phát sinh bụi từ quá trình cắt ván ép, mica.

+ Khu vực sơ chế dừa thành phẩm: phát sinh bụi từ quá trình lột vỏ dừa. Ngoài ra, tại cơ sở còn phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào công ty.

- Để giảm thiểu nguồn ô nhiễm do bụi, khí thải phát sinh, cơ sở đã thực hiện các giải pháp sau:

+ Khu vực CNC (khu vực sản xuất hàng mẫu): Cơ sở đã bố trí máy hút bụi Windy CZR90-7, công suất 750W ngay vị trí cắt, lượng bụi phát sinh sẽ được hút ra ngoài theo đường ống và dẫn ra ao nước để lắng.



Hình 3.3: Máy hút bụi tại khu CNC:

+ Khu vực sơ chế dừa thành phẩm: Cơ sở thường xuyên tiến hành vệ sinh và sử dụng nước phun xung quanh mặt bằng khu vực tạo độ ẩm, tránh phát tán bụi khi nắng nóng và khi các phương tiện ra vào, bố trí nhà xưởng thông thoáng. Đảm bảo khí thải đạt Quy chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về không khí xung quanh và QCVN 06: 2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Cung cấp đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang; v.v.

Các máy móc, thiết bị, phương tiện thuộc sở hữu của cơ sở được kiểm định, bảo trì bảo dưỡng định kỳ, sử dụng nhiên liệu đúng tiêu chuẩn, đúng khuyến cáo của nhà sản xuất.

### 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

#### 3.1 Chất thải rắn sinh hoạt

Theo QCVN 01:2021/BXD, định mức phát sinh CTRSH là 1,0 kg/người.ngày. Giả sử tỉ lệ thu gom đạt 100%. Khi đó, khối lượng CTRSH của 15 công nhân xây dựng được thu gom và xử lý là 15 kg/ngày.

##### - Biện pháp thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Cơ sở đã bố trí 02 thùng rác để thu gom và lưu chứa CTRSH hàng ngày, loại 240 lít, đặt trong nhà xưởng sản xuất và tại khu vực văn phòng để thu gom CTRSH.

Lượng chất thải này cơ sở đã hợp đồng với Hợp tác xã Xây dựng Môi trường Trà Vinh định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định (Hợp đồng số 54/2023/HĐTĐ-HTX ngày 30/12/2022).

#### 3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chủ yếu là các loại bao bì, thùng carton hư hỏng, vỏ dừa, mụn dừa, rau củ quả không đạt chất lượng,... với số lượng khoảng 28 kg/ ngày. Trong đó:

+ Chất thải có thể tái chế như giấy vụn, chày nhựa từ khu vực văn phòng,... ước tính khoảng 5-10 kg/tháng.

+ Chất thải rắn từ khu sơ chế rau củ quả: rau củ quả không đạt chất lượng... khoảng 10 kg/ngày.

+ Chất thải rắn từ khu sơ chế dừa: như vỏ dừa, mụn dừa phát sinh từ quá trình lột vỏ dừa, khối lượng ước tính khoảng 15 kg/ngày.

+ Chất thải rắn từ khu CNC: Chủ yếu là ván ép vụn, mica vụn: ước tính khoảng 2 kg/ ngày.

+ Chất thải rắn từ khu vực nuôi cá cảnh: các loại dây điện, cục xử oxi,... phát sinh khoảng 0,5 kg/tháng.

##### - Biện pháp lưu giữ và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Đối với những loại chất thải rắn có khả năng tái chế như chày nhựa, lon, giấy vụn, thùng carton hư hỏng sẽ được công nhân phân loại tập kết đúng quy định và định kỳ bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Đối với các chất thải rắn như vỏ, cùi dừa, ván ép vụn,... được thu gom tập kết vào khu vực riêng định kỳ bán hoặc cho các hộ dân lân cận làm vật liệu đốt. Mụn dừa phát sinh từ quá trình sản xuất sẽ được thu gom vào bao buộc kín miệng, tập kết vào kho chứa và dùng làm giá thể để trồng rau.

+ Thực hiện lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định tại Điều 33 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Bố trí 01 kho chứa CTRCN riêng biệt với diện tích khoảng 12,0 m<sup>2</sup>, nền bằng bê tông, vách tường lửng. Khi đủ khối lượng sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Bảng 3.1: Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Mã chất thải	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	Kg/năm	1,0	
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	Kg/năm	1,0	
08 02 04	Hộp mực in thải	Rắn	Kg/năm	2,0	
17 02 03	Dầu động cơ thải	Lỏng	Kg/năm	5,0	
14 01 15	Bao bì thải (đã chứa thuốc bảo vệ thực vật không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	Rắn	Kg/năm	4,0	

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023)

#### ❖ Biện pháp lưu giữ rác thải nguy hại như sau:

- Thực hiện bố trí khu vực lưu trữ chất thải nguy hại tại cơ sở theo đúng quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí 01 kho chứa CTNH riêng biệt, đúng quy định. Kho chứa CTNH được xây dựng với diện tích khoảng 6,8 m<sup>2</sup>, nền bằng bê tông, vách tường lửng, phía trên che kín bằng tôn tới mái, mái bằng tôn. Bên ngoài kho, phía trên cửa có ghi dòng chữ "KHO CTNH".

- Phân loại, dán nhãn, tên, mã số từng loại CTNH. Thùng có nắp đậy, trên nắp thùng và bên ngoài thùng có ghi tên, mã số CTNH. Số lượng thùng chứa là 05 thùng.

- Tại thời điểm lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường, cơ sở chưa phát CTNH. Khi khối lượng CTNH phát sinh nhiều, Cơ sở cam kết sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

#### 5. Công trình, biện pháp giảm tiếng ồn, độ rung

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn như: nút tai, chống ồn, khẩu trang, găng tay,...
- Khu vực Cơ sở được bao quanh hàng rào cây xanh, giảm thiểu tiếng ồn lan truyền từ Cơ sở ra khu vực xung quanh.
- Đảm bảo thời gian hoạt động trong khoảng từ 07 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày.
- Các thiết bị sản xuất của cơ sở được lắp đặt chống rung.
- Xe tải, xe máy, xe ô tô của cơ sở thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.
- Trong quá trình nhập nguyên - vật liệu phát sinh tiếng ồn lớn, cơ sở thực hiện công tác vận chuyển nhẹ nhàng không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Sắp xếp lịch xuất - nhập hợp lý, tránh tình trạng tập trung nhiều phương tiện cùng lúc làm gia tăng tiếng ồn.

## **6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **6.1 Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

- Bố trí đầy đủ các loại phương tiện PCCC theo đúng quy định của Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an
- Tại cơ sở đã bố trí 02 tiêu lệnh PCCC và 02 bình bột MFZ4 (loại 4kg) tại khu vực văn phòng và khu vực xưởng sản xuất. Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên, định kỳ và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố.
- Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Hệ thống dây điện, vị trí tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được bố trí thật an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra các thùng chứa nhiên liệu tránh sự rò rỉ.
- Cấm công nhân thi công hút thuốc trong khuôn viên dự án.
- Tổ chức huấn luyện công tác PCCC cho nhân viên dưới sự hướng dẫn, kiểm tra của lực lượng cảnh sát PCCC.
- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy.

### **6.2 Tai nạn lao động**

#### *✓ Biện pháp phòng ngừa*

- Đề ra các nội quy an toàn lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, tổ nhóm vi phạm.
- Cấm sử dụng điện thoại di động, làm việc riêng trong giờ làm việc;

- Đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc cho người mới được tuyển dụng;
- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho người lao động.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân, đảm bảo cho công nhân có tinh thần và sức khỏe tốt để đảm bảo hiệu quả làm việc.

✓ *Biện pháp ứng phó*

- Khi phát hiện sự cố người phát hiện cần nhận biết được mức độ nguy hiểm của tai nạn và thông báo cho ban quản lý, thực hiện thao tác cứu chữa người bị tai nạn.

- Có chấn thương không nguy hiểm đến tính mạng: Sơ cứu tại chỗ nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế gần nhất. Tai nạn nghiêm trọng sơ cứu tại chỗ, gọi cấp cứu theo số 115 và làm theo hướng dẫn của y tế. Nếu huy động được phương tiện, nhanh chóng chuyển đến cơ sở để cấp cứu.

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh hệ thống ống thu gom nước thải.
- Định kỳ kiểm tra bờ bao tại các ao chứa nước thải, đảm bảo không rò rỉ ra khu vực xung quanh.
- Kiểm tra, theo dõi sự phát triển của loài thực vật thủy sinh trong ao.

## Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: Không có

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung: gồm 02 nguồn phát sinh chính:
  - + Thiết bị vận hành máy cắt tại khu CNC, quá trình gia công hàng mẫu (ván ép, mica).
  - + Vận hành máy lột dứa.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn:
  - + Khu vực CNN: X(m): 109878834 Y(m): 59367410 theo hệ tọa độ VN-2000, KKT 105<sup>0</sup>, 30', múi chiều 3'.
  - + Khu vực sơ chế dứa: X(m): 109879596 Y(m): 59370004 theo hệ tọa độ VN-2000, KKT 105<sup>0</sup>, 30', múi chiều 3'.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:
  - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ). :

Bảng 4.1: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:
  - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ)

Bảng 4.2: Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	Giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70



## Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo như sau:

Trong quá trình lập báo cáo để đánh giá nguồn thải phát sinh, cơ sở đã tổ chức lấy mẫu phân tích, đánh giá và so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Vị trí lấy mẫu như sau:

#### 1.1 Môi trường không khí trong cơ sở

- Vị trí lấy mẫu:
  - + KK401 - Khu vực trước cổng công ty, cách xưởng sản xuất khoảng 100m.
  - + KK401- Khu vực xưởng sản xuất trong cơ sở.
- Thời gian lấy mẫu: 08/9/2023
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 05-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí.
  - + QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn .

Bảng 5.1: Kết quả thử nghiệm mẫu không khí trong cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05-MT:2023/BTNMT (trung bình 01 giờ)	QCVN 26-MT:2010/BTNMT
			KK401	KK402		
1	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	30,8	30,3	-	-
2	Độ ẩm	%	54,2	56,8	-	-
3	Bụi	$\mu g/m^3$	156	174	<b>300</b>	-
4	Tiếng ồn	dBA	55,6	54,2	-	<b>70<sup>0</sup></b>
5	SO <sub>2</sub>	$\mu g/m^3$	92,0	106	<b>350</b>	
6	CO	$\mu g/m^3$	3.234	4.525	<b>30.000</b>	-
7	NO <sub>2</sub>	$\mu g/m^3$	74,0	88,0	<b>200</b>	-

(Nguồn: Phiếu kết quả, mã số 080923KK401-KK402)

**Nhận xét:** Môi trường không khí trong khuôn viên cơ sở và xung quanh cơ sở có chất lượng tốt, các chỉ tiêu thử nghiệm nằm trong giới hạn quy định tại QCVN 05-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí, QCVN 26-MT:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

## 1.2 Môi trường nước sau hệ thống xử lý

- Vị trí lấy mẫu: NT781 - khu vực ao chứa nước thải sau xử lý.
- Thời gian lấy mẫu: 08/9/2023
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)

Bảng 5.2: Kết quả thử nghiệm mẫu nước sau hệ thống xử lý

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (B)
1	pH	-	6,78	5,5 ÷ 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	8,36	50
3	COD	mg/L	38,0	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	54,0	100
5	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	5,83	10
6	Tổng Photphat (P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	4,98	6
7	Coliforms	MPN/100 mL	4,3×10 <sup>4</sup>	5.000

(Nguồn: Phiếu kết quả số 080923NT781)

**Nhận xét:** Chất lượng nước trong ao chứa đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)  
- các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

## Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, tuy nhiên nước thải được xử lý đạt chuẩn và không thải ra môi trường xung quanh, do đó cơ sở không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

### 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

#### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Không áp dụng

#### 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không áp dụng (Căn cứ theo Điều 97 và Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Căn cứ theo kết quả đánh giá, dự báo các nguồn thải phát sinh từ cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục).

#### 2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

Chủ cơ sở đầu tư, cơ sở tự đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ tại cơ sở như sau:

##### Quan trắc không khí:

- + Vị trí: Khu vực xưởng sản xuất.
- + Tần suất: 01 lần/năm
- + Thông số giám sát: Bụi, Tiếng ồn, độ rung, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:
  - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
  - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
  - + QCVN 27: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**🚦 Quan trắc môi trường nước thải sau xử lý**

- Vị trí giám sát: Khu vực ao chứa nước thải sau xử lý.
- Tần suất giám sát: 01 lần/năm.
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni (tính theo N), Phốt pho (tính theo P), Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

- Căn cứ theo kế hoạch quan trắc môi trường của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam.

- Căn cứ theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm được dự kiến khoảng 6.000.000 đồng/năm.

## **Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Từ khi thành lập đến nay, Cơ sở đã có 01 lần tiếp đoàn kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở.

- Theo biên bản kiểm tra vào ngày 11/8/2023, chủ cơ sở cần khắc phục một số nội dung sau:

+ Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định, thời gian thực hiện hoàn thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập biên bản kiểm tra.

+ Tiến hành ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại.

- Kết quả khắc phục của Chủ cơ sở như sau:

+ Cơ sở đã thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành xem xét, thẩm định và tham mưu UBND huyện cấp phép.

+ Đã bố trí kho lưu trữ chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, khi khối lượng đủ lớn chủ cơ sở sẽ liên hệ đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

### **Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam cam kết các thông tin, số liệu, tài liệu nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn trung thực, chính xác.

Cam kết thực hiện, duy trì các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan. Các nội dung cam kết bao gồm:

- Cam kết thu gom nước mưa trong khuôn viên cơ sở, đảm bảo yêu cầu về thoát nước mưa.

- Cam kết vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải hiệu quả, chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B và không thải ra môi trường.

- Cam kết việc phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Cam kết việc phân loại, thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Cam kết thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường định kỳ.

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ABC Việt Nam hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.
- Giấy quyền sử dụng đất.
- Phiếu kết quả lấy mẫu trong quá trình lập báo cáo.
- Hình ảnh kèm theo

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2100663269

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 12 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 07 năm 2022

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT  
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ABC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH SX TM DV ABC VIỆT NAM

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 6, ấp Đa Càn, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh  
Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0918190002

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

1.234.567.910 đồng

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn chín  
trăm mười đồng

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HỒ MINH HÒANG	Việt Nam	đường Nguyễn Thiện Thành, khóm 4, Phường 5, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam	1.111.111.119	90,000	334555482	



2	TỔNG THỊ THANH THUY	Việt Nam	ấp Bến Kinh, Xã Mỹ Long Bắc, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam	123.456.791	10,000	334555374
---	---------------------------	----------	---	-------------	--------	-----------

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: **HỒ MINH HOÀNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/07/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *334555482*

Ngày cấp: *10/02/2011*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Trà Vinh*

Địa chỉ thường trú: *ấp 9C, Xã An Trường A, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *đường Nguyễn Thiện Thành, khóm 4, Phường 5, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*



**TRƯỞNG PHÒNG**

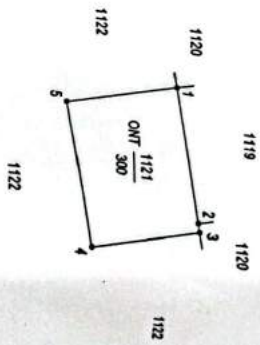
*Lô Thanh Tuấn*

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 1121, tờ bản đồ số: 54
  - b) Địa chỉ: ấp Đa Cản, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
  - c) Diện tích: 300 m<sup>2</sup> (bằng chữ: Ba trăm mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
  - đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn
  - e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng; Công nhận quyền như giao đất có thu tiền sử dụng đất
- 2. Nhà ở: -/-
  - 3. Công trình xây dựng khác: -/-
  - 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
  - 5. Cây lâu năm: -/-
  - 6. Ghi chú: Không

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Đỉnh	Chiều dài (m)
1-2	1120
2-3	1122
3-4	1120
4-5	1119
5-1	1122

Châu Thành, ngày 24 tháng 7 năm 2015

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH04791

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: ĐỖ VĂN MINH**

Năm sinh: 1970, CMND số: 334574550

Địa chỉ thường trú: Số 52, Đường Điện Biên Phủ, Khóm 2, Phường 6, thành phố  
Tà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

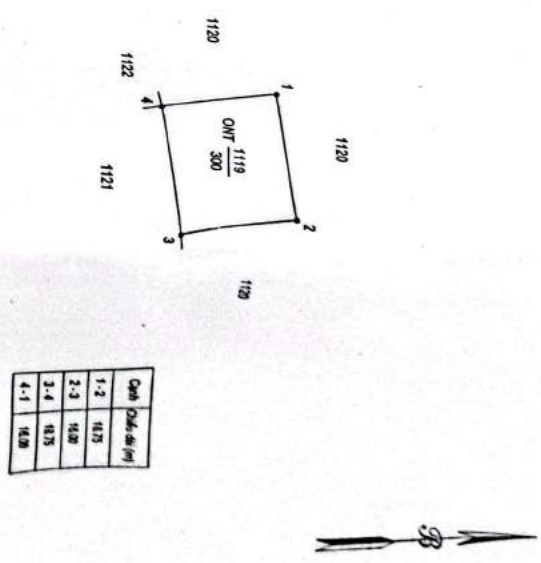
CA 430562

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 7 7 1 5 0 3 6 8 7 3

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:
- a) Thửa đất số: 1119, tờ bản đồ số: 54
  - b) Địa chỉ: ấp Đa Càn, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
  - c) Diện tích: 300 m<sup>2</sup> (bằng chữ: Ba trăm mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
  - đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn
  - e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng; Công nhận quyền như giao đất có thu tiền sử dụng đất
- 2. Nhà ở: -/-
  - 3. Công trình xây dựng khác: -/-
  - 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
  - 5. Cây lâu năm: -/-
  - 6. Ghi chú: Không

Châu Thành, ngày 24 tháng 7 năm 2015  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
 Trần Văn Diệu

Số vào sổ cấp GCN: CH104789

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: ĐỖ VĂN MINH**

Năm sinh: 1970, CMND số: 334574550

Địa chỉ thường trú: Số 52, Đường Điện Biên Phủ, Khóm 2, Phường 6, thành phố  
Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

CA 430560

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 7 7 1 5 0 3 6 8 7 1

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6
- b) Địa chỉ: ấp Đa Cản, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
- c) Diện tích: 557m<sup>2</sup>, (bằng chữ: năm trăm năm mươi bảy mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
- f) Thời hạn sử dụng: 23/12/2045
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng; Công nhận quyền như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Diện tích thừa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/1000

Châu Thành, ngày 04 tháng 03 năm 2015

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH04286

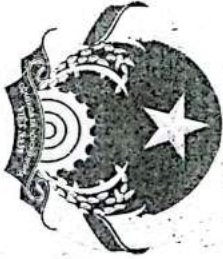
IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: ĐỖ VĂN MINH**

Năm sinh: 1970, CMND số: 334574550

Địa chỉ thường trú: Số 52 Điện Biên Phủ, Khóm 2, Phường 6, Thành phố Trà Vinh.

BV 225654

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

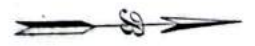
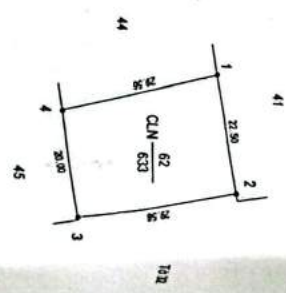


2 9 3 7 7 1 5 0 3 3 5 1 0

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:
  - a) Thừa đất số: 62, tờ bản đồ số: 31
  - b) Địa chỉ: ấp Đa Căn, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
  - c) Diện tích: 633m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Sáu trăm ba mươi ba mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
  - e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
  - f) Thời hạn sử dụng: 23/12/2045
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-
3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
5. Cây lâu năm: -/-
6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Châu Thành, ngày 28 tháng 8 năm 2015  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH04973

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

--	--

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN

## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

### QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
**Ông: ĐỖ VĂN MINH**  
Năm sinh: 1970, CMND số: 334574550  
Địa chỉ thường trú: Khóm 1, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

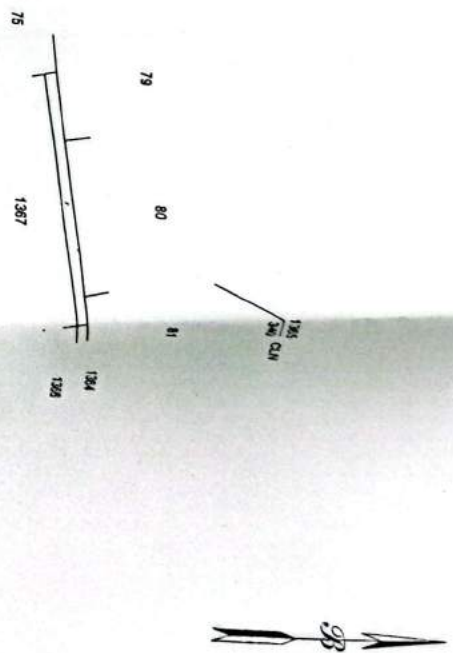
CA 406899

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: **1365**, tờ bản đồ số: **6**
  - b) Địa chỉ: ấp Đa Căn, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
  - c) Diện tích: 340m<sup>2</sup>, (bằng chữ: ba trăm bốn mươi mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
  - e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
  - f) Thời hạn sử dụng: 23/12/2045
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng; Công nhận quyền như giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-
3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
5. Cây lâu năm: -/-
6. Ghi chú:
- Diện tích thừa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/5000

Châu Thành, ngày 01 tháng 4 năm 2015

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH04370

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
**Ông: ĐỖ VĂN MINH**  
Năm sinh: 1970, CMND số: 334574550  
Địa chỉ thường trú: Khóm 2, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**BV 238457**

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 7 7 1 5 0 3 3 6 8 3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ BỐC TẢI RÁC**  
**Số: 54/2023/HĐTĐ-HTX**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022, Chúng tôi gồm có:

**BÊN A: HỢP TÁC XÃ XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH**

- Đại diện là Bà: **Huỳnh Thị Tuyết**; Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: 9/91B Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 02943 853 123

- Tài khoản: 9101110047979, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Trà Vinh.

- Mã số thuế: 2100570945

**BÊN B: CÔNG TY TNHH SX TM DV ABC VIỆT NAM**

- Đại diện là Ông: **Hồ Minh Hoàng**; Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

- MST: 2100663269

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều I. Nội dung công việc:**

Bên B đồng ý giao cho bên A thu gom và bốc tải rác thải trong thùng tại khu vực (địa chỉ) bên A. Với số lượng 01 thùng rác/lần (Thùng 240 lít).

**Điều II: Trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi của mỗi bên:**

**1. Trách nhiệm bên B:**

- Bên B không để thùng rác ở lề đường, làm cản trở lối đi khi phương tiện bên A đến lấy rác. Bên B có trách nhiệm kéo thùng rác ra ngoài để cho bên A bốc rác lên xe. Rác thải trong sinh hoạt có góc động vật phải cho vào túi nylon cột kín, cho vào thùng rác chung.

- Tuyệt đối, không đưa chất thải độc hại lẫn vào trong rác sinh hoạt. Trường hợp nếu ngành chức năng kiểm tra phát hiện rác trên xe có lẫn chất độc hại thì bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

## 2. Trách nhiệm của bên A:

- Thực hiện thu gom và bốc tải rác công cộng theo yêu cầu của bên B đúng nơi quy định.

- Tổ chức thu gom tại địa điểm ấp Đa Cản, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh 02 ngày/lần (Không quá 3 ngày/lần).

## Điều III: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

a) Thời gian hợp đồng là 12 tháng (từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023).

b) Giá trị hợp đồng: 200.000 đồng/tháng. (Giá không bao gồm thuế GTGT)

Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng.

Phương thức thanh toán: Bên B đóng phí vệ sinh cho bên A vào ngày 05 tây đến ngày 10 tây mỗi tháng bằng tiền mặt.

## c) Điều IV: Điều khoản bổ sung:

- Nếu lượng rác vượt quá số lượng mà 02 bên đã ký hợp đồng, thì bên B phải thỏa thuận điều chỉnh giá thu gom rác cho phù hợp. Nếu không bên A sẽ không bốc tải số rác vượt quá số lượng mà 02 bên ghi trong hợp đồng.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có trở ngại, vướng mắc, thì 02 bên phải thông báo cho nhau biết trước ít nhất 10 ngày bằng văn bản, để cùng nhau thỏa thuận giải quyết.

## Điều V: Điều khoản chung:

- Cùng nhau đồng trách nhiệm trong việc xây dựng huyện Châu Thành sạch - đẹp - văn minh.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều, khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không tiếp tục gia hạn thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý vào ngày 31/12/2023.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.



**CÔNG TY CP KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM**  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM



0287.308.6678



0919.984.839



qcvn.com.vn



info@qcvn.com.vn



TT: Số 67/2/8 Đường số 5, Phường 17, Q.Gò Vấp, TP.HCM

# PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Mã ĐH: 23.1298

Mã KQ: 080923/MT\_652



**Đơn vị yêu cầu:**

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG HÒA THUẬN**

Ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

**Địa điểm lấy mẫu:**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ABC  
VIỆT NAM**

Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 6, ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành,  
Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

**Loại mẫu:**

1. Không khí 02 mẫu  
2. Nước thải 01 mẫu

**Ngày lấy mẫu:**

08/09/2023

**Ngày phân tích:**

08/09/2023 - 16/09/2023

**Ngày trả kết quả:**

16/09/2023

**Kết quả:**

Xem trang 02 – 03



**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**

**NGUYỄN THỊ QUỲNH VÂN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT  
TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM**



**Giám đốc: LÂM ĐỨC TRÁNG**

- Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.
- <sup>(1)</sup> Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; <sup>(2)</sup> Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; <sup>(3)</sup> Chỉ tiêu tham khảo;
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

# PHIẾU KẾT QUẢ

## Chất lượng không khí



Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
ABC VIỆT NAM

Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 6, ấp Đa Cẩn, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành,  
Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày lấy mẫu: 08/09/2023 Ngày phân tích: 08/09/2023 - 16/09/2023

Ngày trả kết quả: 16/09/2023

### Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK401	KK402	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ <sup>(1,2)</sup>	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,8	30,3	-
2	Độ ẩm <sup>(1,2)</sup>	%	QCVN 46:2012/BTNMT	54,2	56,8	-
3	Bụi <sup>(1,2)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	156	174	300
4	Tiếng ồn <sup>(2)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2010	55,6	54,2	70 <sup>a</sup>
5	SO <sub>2</sub> <sup>(2)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	92,0	106	350
6	CO <sup>(2)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TTP/PP/003-KK(HL)	3.234	4.525	30.000
7	NO <sub>2</sub> <sup>(2)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	74,0	88,0	200

**Ghi chú:** (-): Không quy định; (--): Không đo đạc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.  
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.  
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.  
Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn: Khu vực đặc biệt: 6 giờ - 21 giờ: ≤ 55dBA; 21 giờ - 6 giờ: < 45dBA. Khu vực thông thường: 6 giờ - 21 giờ: ≤ 70dBA; 21 giờ - 6 giờ: ≤ 55dBA.  
- KK401: Khu vực cổng (X = 1098763; Y = 0593529).  
- KK402: Không khí trong nhà xưởng.

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.  
2. <sup>(1)</sup> Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; <sup>(2)</sup> Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; <sup>(3)</sup> Chỉ tiêu tham khảo;  
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

# PHIẾU KẾT QUẢ

## Chất lượng nước thải



Mã số: 080923NT781

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
ABC VIỆT NAM

Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 6, ấp Đa Cản, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành,  
Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày lấy mẫu: 08/09/2023

Ngày phân tích: 08/09/2023 - 16/09/2023

Ngày trả kết quả: 16/09/2023

### Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT781	Đạt / Chưa đạt / 5,5 ± 0 50
1	pH <sup>(1,2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,78	150
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(1,2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8,36	100
3	COD <sup>(1,2)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	38,0	10
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1,2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	54,0	6
5	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) <sup>(1,2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,83	5.000
6	Tổng Photpho (P) <sup>(1,2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	4,98	
7	Coliforms <sup>(2)</sup>	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	4,3x10 <sup>4</sup>	

Ghi chú: (-): Không quy định; (--): Không đo đặc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.  
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.  
- NT781: Ao chứa sau hệ thống xử lý (X = 1098754; Y = 0593520). Mẫu đục có cặn.

1. Kết quả đo đặc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.  
2. <sup>(1)</sup> Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; <sup>(2)</sup> Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; <sup>(3)</sup> Chỉ tiêu tham khảo;  
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.





Hình 1: Kho chứa chất thải nguy hại



Hình 2: Kho chứa chất rắn công nghiệp



Hình 3: Vị trí lấy mẫu môi trường xung quanh



Hình 4: Vị trí lấy mẫu môi trường xung quanh



Hình 5: Vị trí lấy mẫu môi trường nước thải